

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015
đã được soát xét*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo tài chính đã được soát xét	5 – 29
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần VINAM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007. Công ty chuyển đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **32.500.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Tư vấn đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình điện năng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 29).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Thế Anh	Ủy viên
Ông Đào Văn Hùng	Ủy viên
Ông Lại Thế Vĩnh	Ủy viên
Ông Phan Tuấn Sơn	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thế Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Thế Anh

Số : 306./2015/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Công ty Cổ phần VINAM

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Công Cổ phần VINAM được lập ngày 14 tháng 8 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần VINAM và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

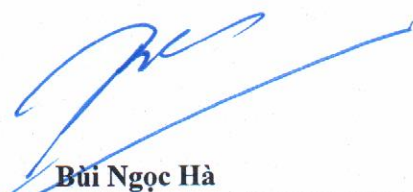
**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**



Bùi Thị Ngọc Liên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.925.927.267	5.225.036.738
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		26.670.694	6.638.469
1.	Tiền	111	V.01	26.670.694	6.638.469
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính	120	V.02	307.032	307.032
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		307.032	307.032
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.898.949.541	5.218.091.237
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	3.794.432.026	4.016.651.062
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		834.058.371	834.058.371
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.06	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.084.895.894	3.642.405.894
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137		(3.814.436.750)	(3.275.024.090)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141		-	-
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.946.607.848	21.995.059.822
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.220.220.135	10.220.220.135
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	4.720.220.135	4.720.220.135
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.06	2.500.000.000	2.500.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	3.000.000.000	3.000.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		355.843.713	404.295.687
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	105.843.713	154.295.687
	- Nguyên giá	222		669.994.286	669.994.286
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(564.150.573)	(515.698.599)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.08	250.000.000	250.000.000
	- Nguyên giá	228		250.000.000	250.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	11.370.544.000	11.370.544.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		11.370.544.000	11.370.544.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.872.535.115	27.220.096.560

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

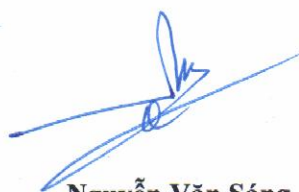
STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		3.205.059.634	4.775.051.945
I.	Nợ ngắn hạn	310		3.205.059.634	4.775.051.945
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	273.057.327	523.057.327
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.596.141.646	2.600.323.464
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	290.767.705	275.212.705
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	-	1.331.365.493
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.092.956	45.092.956
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.667.475.481	22.445.044.615
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.13	21.667.475.481	22.445.044.615
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.500.000.000	32.500.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
5.	Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		195.900.595	195.900.595
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(13.628.425.114)	(12.850.855.980)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(12.850.855.980)	(10.451.201.902)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(777.569.134)	(2.399.654.078)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.872.535.115	27.220.096.560

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Văn Sáng

Phạm Thế Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	-
4.	Giá vốn hàng bán	11		-	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		-	-
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.01	26.182	74.708.887
7.	Chi phí tài chính	22		-	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.02	777.595.316	297.670.270
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(777.569.134)	(222.961.383)
11.	Thu nhập khác	31	VI.03	-	240.909.091
12.	Chi phí khác	32	VI.04	-	276.944.528
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(36.035.437)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(777.569.134)	(258.996.820)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(777.569.134)	(258.996.820)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.05	(239)	(80)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.06	(239)	(80)

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Linh



Nguyễn Văn Sáng



Phạm Thế Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		222.219.036	632.499.037
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(302.692.500)	(69.081.500)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(125.155.000)	(124.665.000)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.657.000.000	1.000.000
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(100.000.000)	(468.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.351.371.536	(28.247.463)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.182	750.553
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		26.182	750.553

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.331.365.493)	(50.000.000)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.331.365.493)	(50.000.000)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		20.032.225	(77.496.910)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.638.469	91.078.964
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.670.694	13.582.054

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Linh



Nguyễn Văn Sáng



Phạm Thế Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Tư vấn đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình điện năng.

04. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ, việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

03. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

05. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển năng lượng Việt Nam sẽ độc lập và chủ động triển khai cơ chế quản lý và vận hành Hợp phần bởi các bộ phận chuyên môn chức năng trực thuộc Công ty. Bên Công ty Cổ phần VINAM không có nghĩa vụ can thiệp vào việc quản lý và điều hành triển khai hợp phần.

Các bên thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

Bên thực hiện kế toán của BCC có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	2.940.401	1.460.894
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.730.293	5.177.575
Cộng	<u>26.670.694</u>	<u>6.638.469</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Chứng khoán kinh doanh	307.032	395.000	307.032	305.000
- Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận(*)	307.032	395.000	307.032	305.000
Cộng	307.032	395.000	307.032	305.000

(*): Đầu tư 10 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận.

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	11.370.544.000	11.370.544.000	11.370.544.000	11.370.544.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	11.370.544.000	11.370.544.000	11.370.544.000	11.370.544.000
Cộng	11.370.544.000	11.370.544.000	11.370.544.000	11.370.544.000

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/6/2015 như sau:

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	Tổ 2, Phong Châu 4, Phường Đoàn Kết, Thị xã Lai Châu, Tỉnh Lai Châu	22,74%	22,74%	- Sản xuất truyền tải và phân phối điện	- Sản xuất điện nhiệt điện, thủy điện
				- Phân phối điện	- Xây dựng các công trình điện
				- Khai thác xuất nhập khẩu quặng, khoáng sản	

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.794.432.026	4.016.651.062
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hà Thành	1.000.000.000	1.000.000.000
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại dịch vụ nông sản Thanh Thúy	265.000.000	265.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding (XNK Phục Hưng)	324.438.726	546.657.762
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Sinh Phát	2.204.993.300	2.204.993.300
- Phải thu ngắn hạn khách hàng khác	-	-
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	4.720.220.135	4.720.220.135
- Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	793.347.339	793.347.339
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Sinh Phát	3.926.872.796	3.926.872.796
- Phải thu dài hạn khách hàng khác	-	-
Cộng	<u>8.514.652.161</u>	<u>8.736.871.197</u>

04. Phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a. Phải thu ngắn hạn khác	2.084.895.894	331.760.169	3.642.405.894	331.760.169
- Phải thu về cổ phần hoá	-	-	-	-
- Phải thu của người lao động	-	-	-	-
- Tạm ứng	1.131.583.491	-	2.761.583.491	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-	-	-
- Phải thu khác	953.312.403	331.760.169	880.822.403	331.760.169
+ Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình	238.000.000	-	165.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Solavina	200.000.000	-	200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Ông Phạm Văn Minh	73.958.334	-	73.958.334	-
+ Phải thu khác	341.354.069	331.760.169	341.864.069	331.760.169
b. Phải thu dài hạn khác	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Phải thu khác	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Cộng	<u>5.084.895.894</u>	<u>331.760.169</u>	<u>3.642.405.894</u>	<u>331.760.169</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng Hà Thành	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Sinh Phát (Phải thu ngắn hạn của khách hàng)	2.204.993.300	661.497.990	2.204.993.300	1.102.496.650
+ Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Sinh Phát (Trả trước cho người bán ngắn hạn)	319.097.000	-	319.097.000	-
+ Thuế GTGT đầu ra tạm tính	331.760.169	-	331.760.169	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Tây Đô	514.961.371	-	514.961.371	-
+ Ông Nguyễn Quang Trung	98.414.000	-	-	-
+ Đối tượng khác	6.708.900	-	6.708.900	-
Cộng	4.475.934.740	661.497.990	4.377.520.740	1.102.496.650

06. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Phải thu cho vay ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Phải thu cho vay dài hạn</i>	2.500.000.000	2.500.000.000
- Ông Phạm Văn Minh (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	2.500.000.000	2.500.000.000

(*): Là khoản cho ông Phạm Văn Minh vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 02/HĐ-2014 ngày 30 tháng 01 năm 2014 và phụ lục hợp đồng cho vay dài hạn số 01/PLHĐ ngày 30 tháng 5 năm 2014. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Lãi suất 6 tháng đầu 2014 là 5%/năm, thời gian còn lại lãi suất 0%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>669.994.286</i>	-	<i>669.994.286</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>669.994.286</i>	-	<i>669.994.286</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>515.698.599</i>	-	<i>515.698.599</i>
- Khấu hao trong kỳ	48.451.974	-	48.451.974
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>564.150.573</i>	-	<i>564.150.573</i>
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>154.295.687</i>	-	<i>154.295.687</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>105.843.713</i>	-	<i>105.843.713</i>

08. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>250.000.000</i>	-	<i>250.000.000</i>
- Tăng khác	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>250.000.000</i>	-	<i>250.000.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>250.000.000</i>	-	<i>250.000.000</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>250.000.000</i>	-	<i>250.000.000</i>

Giá trị quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng thửa đất tại Hồng Hậu, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ngày 16 tháng 9 năm 2010.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMSố 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	1.331.365.493	1.331.365.493	-	1.331.365.493	-	-
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Vay đối tượng khác(*)	1.331.365.493	1.331.365.493	-	1.331.365.493	-	-
+ Ông Lê Xuân Tuấn	331.365.493	331.365.493	-	331.365.493	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Hương	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
+ Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh	500.000.000	500.000.000	-	500.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.331.365.493	1.331.365.493	-	1.331.365.493	-	-

(*) Các khoản vay cá nhân với lãi suất 0%/năm, các khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	273.057.327	273.057.327	523.057.327	523.057.327
- Công ty TNHH Phú Tài Lộc	234.893.483	234.893.483	234.893.483	234.893.483
- Công ty Cổ Phần Solavina	-	-	250.000.000	250.000.000
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	38.163.844	38.163.844	38.163.844	38.163.844
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	273.057.327	273.057.327	523.057.327	523.057.327

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

Mối quan hệ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	-	250.000.000	250.000.000
Cộng	-	-	250.000.000	250.000.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	đầu năm	đầu năm	trong kỳ	trong kỳ	nộp trong kỳ	nộp trong kỳ	cuối kỳ	cuối kỳ	cuối kỳ	cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng (*)	-	512.254.289	(4.181.818)	-	-	-	-	508.072.471	-	508.072.471
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.077.231.110	-	-	-	-	-	2.077.231.110	-	2.077.231.110
- Thuế thu nhập cá nhân	-	10.838.065	-	-	-	-	-	10.838.065	-	10.838.065
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	2.600.323.464	(4.181.818)	-	-	-	-	2.596.141.646	-	2.596.141.646

(*): Thuế Giá trị gia tăng phải nộp giảm do Công ty bù trừ giữa thuế Giá trị gia tăng đầu vào và thuế Giá trị gia tăng đầu ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
a) Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	290.767.705	275.212.705
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	126.991.346	113.731.346
- Bảo hiểm y tế	22.655.119	20.360.119
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.095.585	3.095.585
- Phải trả về cổ phần hoá	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.025.655	138.025.655
b) Phải trả phải nộp dài hạn khác	-	-
Cộng	<u>290.767.705</u>	<u>275.212.705</u>

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(10.451.201.902)	24.844.698.693
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(2.399.654.078)	(2.399.654.078)
Số dư cuối năm trước	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.850.855.980)	22.445.044.615
Số dư đầu năm nay	32.500.000.000	2.600.000.000	195.900.595	(12.850.855.980)	22.445.044.615
Tăng vốn trong kỳ nay	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(777.569.134)	(777.569.134)
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	<u>32.500.000.000</u>	<u>2.600.000.000</u>	<u>195.900.595</u>	<u>(13.628.425.114)</u>	<u>21.667.475.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các cổ đông	32.500.000.000	100	32.500.000.000	100
Cộng	32.500.000.000	100	32.500.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	32.500.000.000	32.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.250.000	3.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	195.900.595	195.900.595
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
Cộng	195.900.595	195.900.595

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.182	74.688.887
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	20.000
Cộng	26.182	74.708.887

02. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	141.220.000	124.665.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.451.974	90.299.488
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	539.412.660	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.510.682	79.705.782
Chi phí khác bằng tiền	-	3.000.000
Cộng	777.595.316	297.670.270

03. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	240.909.091
Cộng	-	240.909.091

04. Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	268.094.528
- Chi phí khác	-	8.850.000
Cộng	-	276.944.528

05. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lợi nhuận thuần sau thuế	(777.569.134)	(258.996.820)
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(777.569.134)	(258.996.820)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.250.000	3.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(239)	(80)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
Lợi nhuận thuần sau thuế	(777.569.134)	(258.996.820)
Các khoản điều chỉnh :	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(777.569.134)	(258.996.820)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.250.000	3.250.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(239)	(80)

07. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	141.220.000	124.665.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.451.974	90.299.488
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	539.412.660	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.510.682	79.705.782
- Chi phí khác bằng tiền	-	3.000.000
Cộng	777.595.316	297.670.270

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
Kế toán trưởng		
- Hoàn tiền tạm ứng	1.630.000.000	1.000.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kế toán trưởng		
+ Tạm ứng	688.302.629	2.318.302.629
Cộng nợ phải thu	<u>688.302.629</u>	<u>2.318.302.629</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
Tiền lương, phụ cấp	54.245.910	58.636.364
Cộng	<u>54.245.910</u>	<u>58.636.364</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Solavina	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu	Công ty liên kết
Trường trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình	Hình thành từ hợp tác kinh doanh

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam		
+ Cho vay không tính lãi	-	165.000.000
Công ty Cổ phần Solavina		
+ Thanh toán công nợ phải trả	250.000.000	-
+ Cho vay không tính lãi	-	200.000.000
Trường trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình		
+ Cho vay không tính lãi	100.000.000	-
+ Thu tiền cho vay không tính lãi	27.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam	3.100.000.000	3.100.000.000
+ Phải thu khác	100.000.000	100.000.000
+ Đầu tư tài chính dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Solavina	200.000.000	200.000.000
+ Phải thu khác	200.000.000	200.000.000
Trường trung cấp nghề Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình	238.000.000	165.000.000
+ Phải thu từ cho vay	238.000.000	165.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>3.538.000.000</u>	<u>3.465.000.000</u>
Công ty Cổ phần Solavina	-	250.000.000
+ Phải trả người bán	-	250.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>250.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.670.694	-	6.638.469	-	26.670.694	6.638.469
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.467.964.564	(3.814.436.750)	12.617.693.600	(3.275.024.090)	8.653.527.814	9.342.669.510
Phải thu về cho vay	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307.032	-	307.032	-	395.000	305.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	14.994.942.290	(3.814.436.750)	15.124.639.101	(3.275.024.090)	11.180.593.508	11.849.612.979

Giá trị sổ sách**Giá trị hợp lý**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	273.057.327	523.057.327	273.057.327	523.057.327
Vay và nợ	-	1.331.365.493	-	1.331.365.493
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	138.025.655	138.025.655	138.025.655	138.025.655
Cộng	411.082.982	1.992.448.475	411.082.982	1.992.448.475

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các tổ chức và cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

04. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	273.057.327	-	-	273.057.327
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	138.025.655	-	-	138.025.655
Cộng	411.082.982	-	-	411.082.982
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	523.057.327	-	-	523.057.327
Vay và nợ	1.331.365.493	-	-	1.331.365.493
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	138.025.655	-	-	138.025.655
Cộng	1.992.448.475	-	-	1.992.448.475

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

06. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, một số nội dung được trình bày lại về chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính để phù hợp với quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hiện hành, cụ thể:

STT	Nội dung	Số dư tại 01/01/2015 (VND)	Chỉ tiêu đã trình bày trên BCTC năm 2014		Chỉ tiêu trình bày trên BCTC 6 tháng đầu năm 2015	
			Tên chỉ tiêu	Mã số	Tên chỉ tiêu	Mã số
1	Tạm ứng	2.761.583.491	Tài sản ngắn hạn khác	158	Phải thu ngắn hạn khác	136
2	Hợp tác đầu tư	3.000.000.000	Đầu tư dài hạn khác	258	Phải thu dài hạn khác	216
3	Cho vay	2.500.000.000	Đầu tư dài hạn khác	258	Phải thu về cho vay dài hạn	215

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giá định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Linh

Nguyễn Văn Sáng

Phạm Thế Anh